| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Q**<br>TỈNH SƠN LA | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 35/2021/QĐST - TCTSSLH | *Q, ngày 15 tháng 6 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2021/ TLST- CTSSLH ngày 10 tháng 3 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị N

Trú quán: Bản T, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La

- Bị đơn: Ông Lò Văn M

Trú tại: Bản T, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau**:

Bà La Thị N và Ông Lò Văn M thoả thuận với nhau về việc phân chia đất sản xuất nông nghiệp được UBND huyện Q cấp cho hộ gia đình gồm 04 nhân khẩu với tổng diện tích là 15.357$m^2$ (Gồm: Ông Lò Văn M, La Thị N, Lò Văn B và Lò Văn N). Đến năm 2016 bị thu hồi 4.000$m^2$ (Đã được đền bù), còn lại 11.357$m^2$. Các bên thoả thuận như sau:

Ông Lò Văn M nhất trí chia thêm bà La Thị N 01 mảnh đất nương, đất sản xuất có diện tích là 643,1$m^2$ tại tờ bản đồ số 01, thửa đất số 80, địa chỉ thửa đất bản T, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La. Đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 65

- Phía Tây giáp nhà ông T

- Phía Nam giáp đường đi UBND xã N

- Phía Bắc giáp Suối N

+ Phần của bà La Thị N được sử dụng có tổng diện tích là 3.114,7m$^2$ (Trong đó có cả phần của Lò Văn B).

+ Phần của ông Lò Văn M được sử dụng có tổng diện tích là 8.242,3m$^2$ (Trong đó có cả phần của Lò Văn N do Ngọc còn nhỏ nên phần Lò Văn N do ông M quản lý).

**3. Về án phí:**

Các đương sự bà La Thị N và ông Lò Văn M nhất trí giá đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính Phủ và Quyết định của UBND tỉnh Sơn La quy định về khung giá đất tại xã Nặm Ét, là mỗi 01m$^2$ đất sản xuất nông nghiệp hiện tại là 4.800đ/01m$^2$. Như vậy các đương sự phải án phí có giá ngạch theo phần đất sản xuất nông nghiệp được hưởng là. (Bà La Thị N là 3.114,7m$^2$ x4.800đ = 14.950.000đ x 2,5% = 372.000đ; Ông Lò Văn M là 8.242,3m$^2$ x4.800đ = 39.563.000đ x 2,5% = 990.000đ).

- Bà La Thị N phải chịu 372.000đ (*Ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng đ□ợc khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000$^đ$ (*Ba trăm nghìn đồng*). Theo biên lai số: AA/2019/0000572 ngày10/3/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Sơn La.

- Bà La Thị N phải nộp tiếp là 72.000đ (*Bảy mươi hai nghìn đồng)* án phí có giá ngạch.

- Ông Lò Văn M phải chịu 990.000đ *(Chín trăm chín mươi nghìn đồng)* án phí có giá ngạch.

*" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện QN;
- Chi cụcTHADS QN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

***Bàn Văn Hoàng***